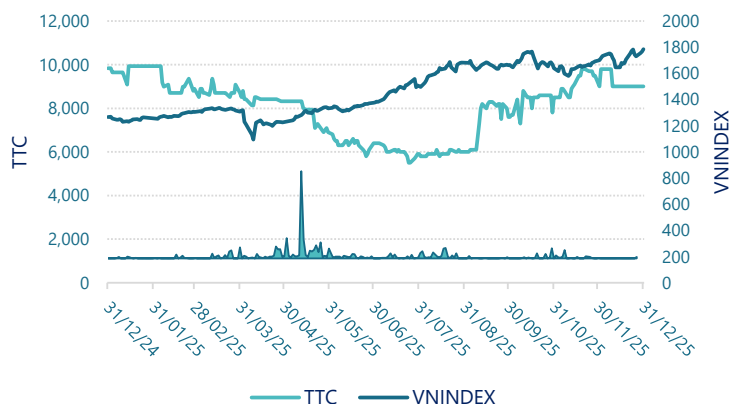


CTCP Gạch men Thanh Thanh (HNX: TTC)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/12/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	9,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	9,932
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	5,500
SL cổ phiếu LH	5,940,528
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,030
% sở hữu nước ngoài	4.7%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	53
P/E	19.3
EPS	467

DT thuần

Q4/25

23.7

tỷ VNĐ

QoQ: ▼16.1| -40.5%

YoY: ▼20.2| -46.0%

LN sau thuế

Q4/25

9.27

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 15.8| 242%

YoY: ▲ 8.59| 1264%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

2.8%

+/- YoY: ▲ 0.5%

DT thuần

2025

129

tỷ VNĐ

YoY: ▼44.0| -25.1%

LN sau thuế

2025

2.77

tỷ VNĐ

YoY: ▼0.28| -8.9%

ROE

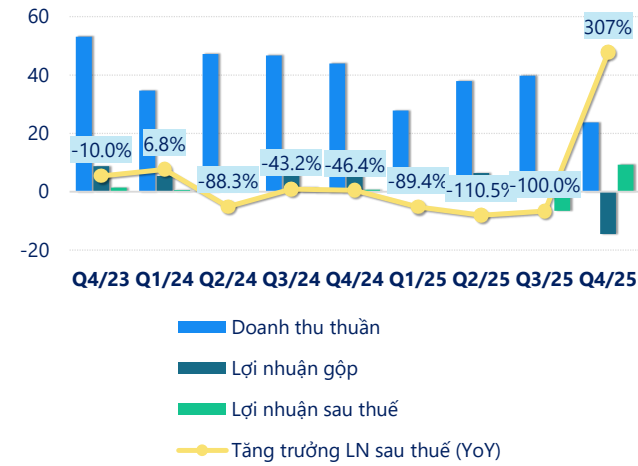
2025

2.4%

+/- YoY: ▼ 0.2%

tỷ VNĐ

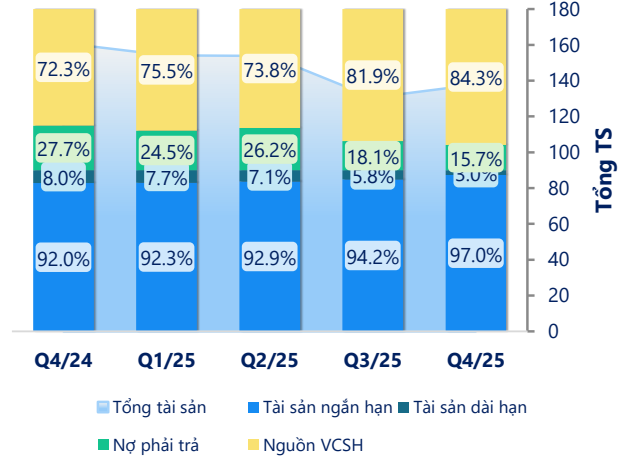
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

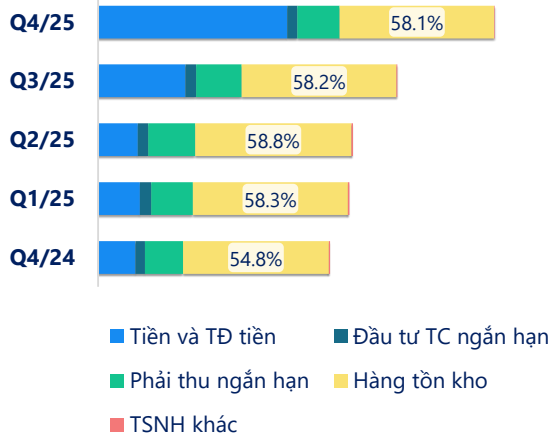
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



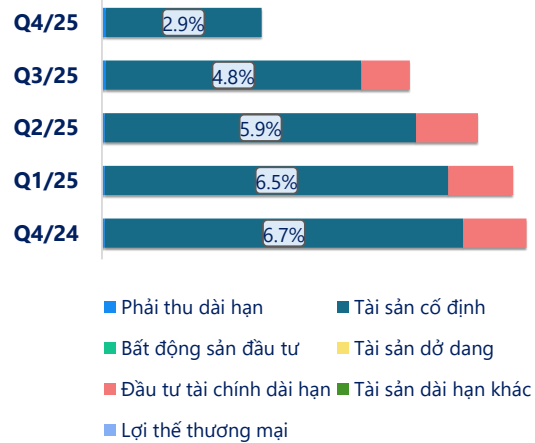
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

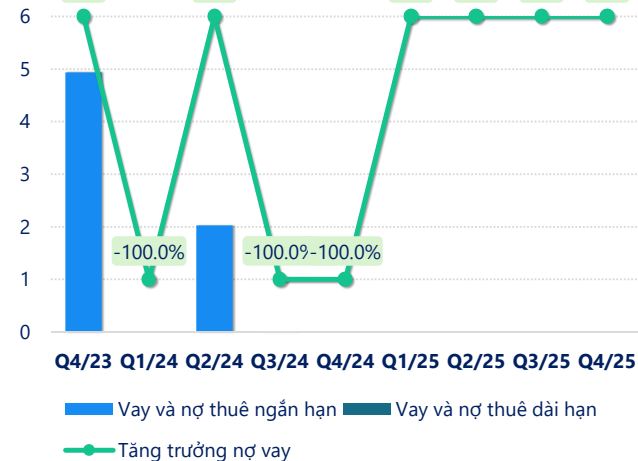
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

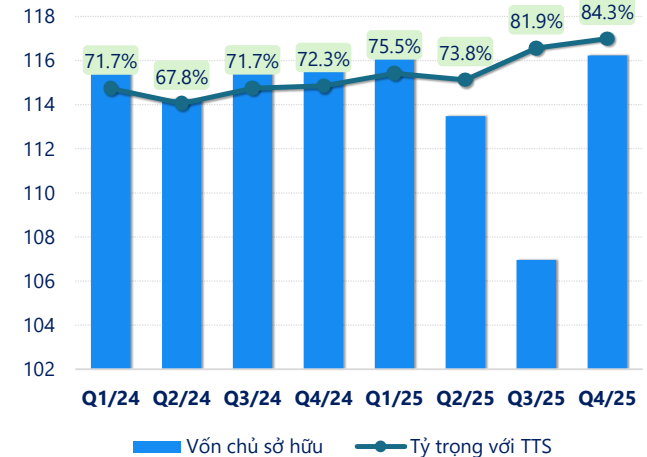
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

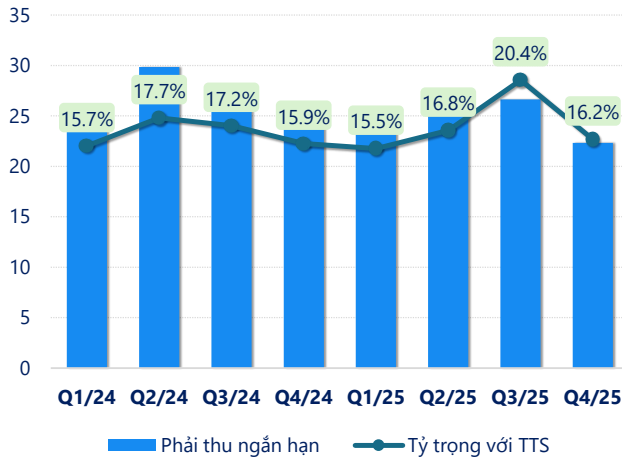
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



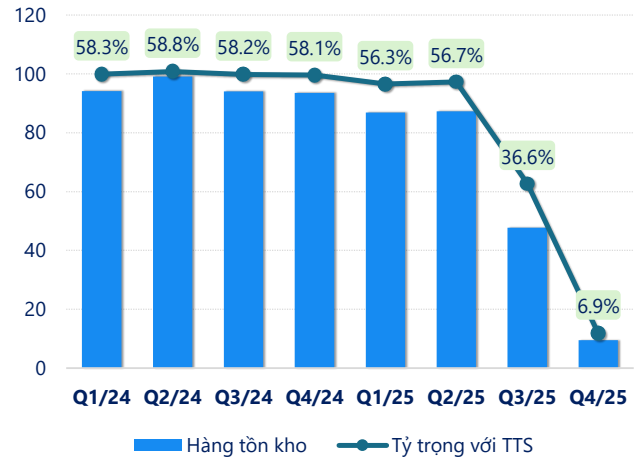
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


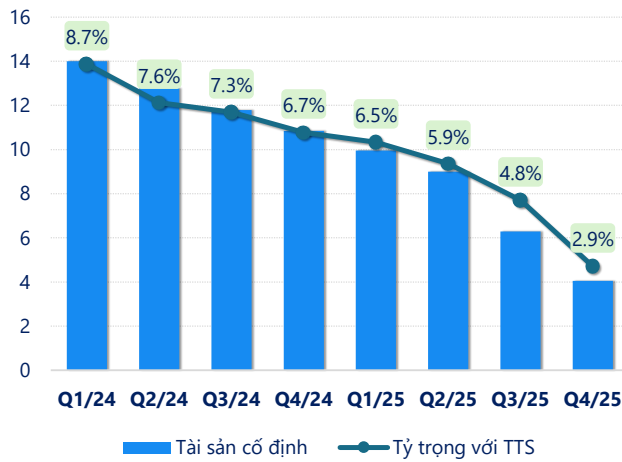
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


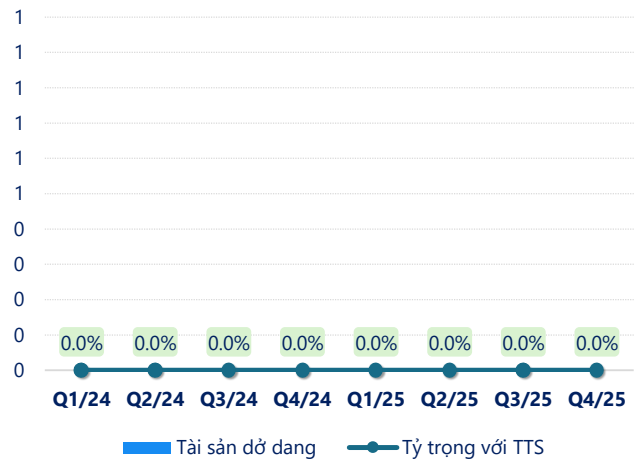
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

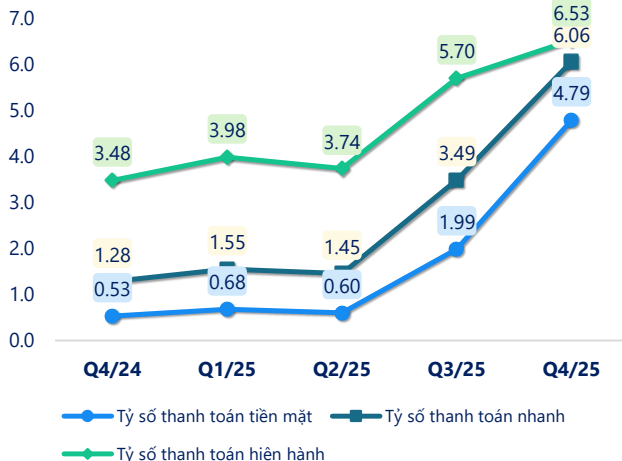
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

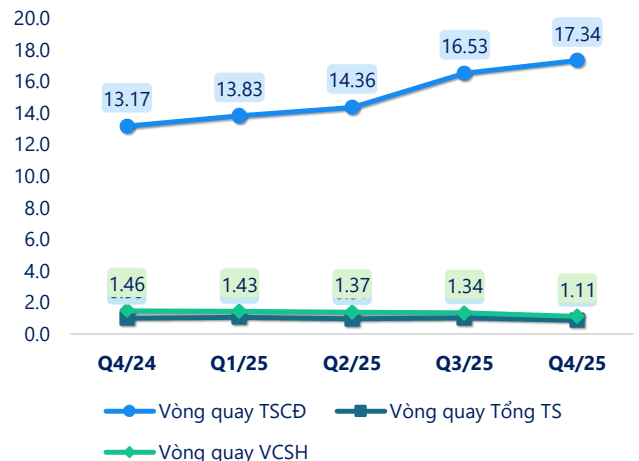
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	161	154	154	131	138
Tài sản ngắn hạn	148	142	143	123	134
Tiền và tương đương tiền	22.6	24.2	23.0	42.8	98.1
Đầu tư tài chính ngắn hạn	6.18	6.18	6.01	5.49	3.77
Phải thu ngắn hạn	25.6	24.0	25.9	26.6	22.3
Hàng tồn kho	93.6	86.8	87.3	47.7	9.50
Tài sản ngắn hạn khác	0.21	1.07	0.76	0.31	0.01
Tài sản dài hạn	12.9	11.9	10.9	7.56	4.14
Phải thu dài hạn	0.09	0.09	0.09	0.09	0.09
Tài sản cố định	10.8	9.95	9.00	6.28	4.05
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0	0	0	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	1.92	1.88	1.79	1.19	0
Tài sản dài hạn khác	0	0	0	0	0
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	44.6	37.8	40.3	23.6	21.6
Nợ ngắn hạn	42.6	35.7	38.2	21.6	20.5
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải trả người bán ngắn hạn	11.9	8.96	8.85	2.20	1.15
Nợ dài hạn	2.04	2.04	2.04	2.03	1.11
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	116	116	113	107	116
Vốn chủ sở hữu	116	116	113	107	116
Vốn điều lệ	59.9	59.9	59.9	59.9	59.9
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)